

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Ngọc Điệp.

Ông Đặng Minh Lý.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lâm Bồn T, sinh năm 1974; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Ngô Thị Cẩm H, sinh năm 1974; có mặt.

Cùng trú tại: số 158 đường N, tổ 50, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-9-2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lâm Bồn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2015 đến nay giữa ông T và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bà H thường xuyên đi chơi, không phụ giúp công việc gia đình, ông T đã nhiều lần khuyên nhủ không được nên ông T và bà H hiện đã sống ly thân khoảng 03 năm. Ông T và bà H không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, ông T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà H do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có hai con chung là Lâm Bảo N, sinh ngày 23-11-2003 và Lâm Bảo T, sinh ngày 18-5-1999. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Bảo N do khoảng 03 năm nay ông T là người đưa đón và chăm sóc cả hai con chung. Hiện nay, bà H cũng không có việc làm không đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Đối với Lâm Bảo T, sinh ngày 18-5-1999 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T và bà H không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà H không nợ ai, cũng không ai nợ ông T và bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, ông Lâm Bảo T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, có đề nghị thoả thuận với bà H về việc giải quyết vụ án nhưng bà H không đồng ý, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì.

*Tại bản tự khai ngày 17-11-2020 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Ngô Thị Cẩm H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà H thống nhất với ông T về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng bà H trình bày như sau: quá trình chung sống bà H và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T đi nhậu say về thường chửi mắng đánh đập bà H. Bà H và ông T đã ly thân được khoảng 03 năm, hai người ở phòng riêng, không ai quan tâm tới ai. Nay, ông T yêu cầu ly hôn thì bà H không đồng ý vì bà H cho rằng bà H không có lỗi, không muốn gia đình ly tán.

Về tài sản chung: Bà H và ông T không tạo lập được tài sản chung, bà H chỉ phụ việc bán tạp vật cho ba mẹ chồng, ông T cũng không có việc làm nên ông T, bà H và các con đều do ba mẹ chồng nuôi. Tuy nhiên, bà H đề nghị do bà H có công sức đóng góp vào tài sản của gia đình chồng nếu ông T muốn ly hôn với bà H ông T phải tạo điều kiện cho bà H đi nơi khác ở, cụ thể bà H dùng thu nhập trung bình của người phụ việc trong các cửa hàng đồ sắt hiện nay là 8.000.000 đồng/tháng, sau khi trừ chi phí sinh hoạt của chồng và các con thì bà H có thể dư lại 5.000.000 đồng/tháng. Nếu dùng số tiền này tiết kiệm thì bà H sẽ mua được 1 chỉ vàng SJC với giá 5.000.000 đồng. Như vậy, nếu phụ việc ở cửa hàng khác thì trong thời gian 23 năm bà H sẽ mua được 276 chỉ vàng tương đương với 1.380.000.000 đồng cùng với công sức bà H làm vợ, làm dâu, chăm sóc các con là 1.000.000.000 đồng, tổng cộng là 2.380.000.000 đồng. Bà H yêu cầu ba mẹ chồng phải trả cho bà H số tiền trên, do ba mẹ chồng bà H chết để lại tất cả tài sản cho mẹ chồng đứng tên nên bà H yêu cầu chồng và mẹ chồng phải trả.

Về nợ chung: Thống nhất với ý kiến ông T là vợ chồng không có nợ chung, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, trong phần thủ tục bắt đầu phiên toà bà H trình bày không đồng ý thoả thuận với nguyên đơn về việc giải quyết vụ án. Trong phần tranh tụng trình bày: về hôn nhân đồng ý ly hôn; về con chung không đồng ý giao cho ông T nuôi dưỡng; xin rút lại yêu cầu tranh chấp tài sản chung; nợ chung không có. Bà H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lâm Bồn T và bà Ngô Thị Cẩm H; về con chung: hiện Lâm Bảo T đã trên 18 tuổi nên không đề xuất giải quyết, đối với Lâm Bảo N hiện đang sống cùng gia đình ông T, cháu N có nguyện vọng được sống cùng ông T nên đề xuất chấp nhận yêu cầu của ông T giao Lâm Bảo N cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện bà H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bà H có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà H chung sống và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông T và bà H hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay, hiện đã sống ly thân khoảng 03 năm. Tại phiên tòa, bà H thống nhất với quan hệ hôn nhân như ông T trình bày, thừa nhận mâu thuẫn cũng như việc chung sống không còn hạnh phúc và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lâm Bồn T và bà Ngô Thị Cẩm H theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà H không đồng ý và trình bày nếu con muốn theo ai thì người đó sẽ nuôi. Tại bản tự khai (bút lục 26) cháu N trình bày: *“hàng ngày, ba là người đưa đón đi học...Trường hợp ba mẹ ly hôn em muốn ở với ba”*. Sau khi xem xét mọi mặt về quyền và lợi ích cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu N, cần giao cháu Lâm Bảo N, sinh ngày 23-11-2003 cho ông Lâm Bồn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Con chung tên Lâm Bảo T, sinh ngày 18-5-1999 đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Ông T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình tham gia tố tụng, bà H tranh chấp tài sản chung. Tại phiên tòa, bà H thống nhất ý kiến với ông T, xin rút yêu cầu tranh chấp tài sản chung. Do đó, về phần tài sản các đương sự thống nhất không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Ông T và bà H thống nhất không có nợ chung, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lâm Bồn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Bồn T đối với bà Ngô Thị Cẩm H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lâm Bồn T và bà Ngô Thị Cẩm H.

- Về con chung: Giao con chung là Lâm Bảo N, sinh ngày 23-11-2003 cho ông Lâm Bồn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Ngô Thị Cẩm H không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Lâm Bảo T, sinh ngày 18-5-1999 đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về án phí: Ông Lâm Bồn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0050498 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**3.** Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường P, thành phố T,  
tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ái Ngân**